



**MỘT SỐ QUY ĐỊNH
CỦA LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI
THEO HỢP ĐỒNG NĂM 2020**

(Tờ 4)

“Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động; Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước; chính sách đối với người lao động; quản lý nhà nước trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng”.

(Điều 1 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài)

**ĐIỀU KIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
DO DOANH NGHIỆP, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP,
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIỆT NAM ĐẦU TƯ
RA NƯỚC NGOÀI ĐƯA ĐI LÀM VIỆC
Ở NƯỚC NGOÀI**

Điều 44 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định các điều kiện như sau:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
2. Tự nguyện đi làm việc ở nước ngoài.
3. Đủ sức khỏe theo quy định của pháp luật Việt Nam và yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động.
4. Đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, chuyên môn, trình độ, kỹ năng nghề và các điều kiện khác theo yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động.
5. Có giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng.
6. Không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**HỒ SƠ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**

Điều 45 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định hồ sơ gồm có:

1. Đơn đi làm việc ở nước ngoài.
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người lao động thường trú hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động.

3. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

4. Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học giáo dục định hướng.

5. Văn bằng, chứng chỉ về ngoại ngữ, chuyên môn, trình độ, kỹ năng nghề và giấy tờ khác theo yêu cầu của bên nước ngoài tiếp nhận lao động.



**QUYỀN, NGHĨA VỤ
CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI**

1. Trường hợp do doanh nghiệp dịch vụ đưa đi làm việc ở nước ngoài

Điều 46 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định các quyền, nghĩa vụ như sau:

- Các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Ký kết hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp dịch vụ.

- Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp dịch vụ vi phạm hợp đồng

đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Được chấm dứt hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp dịch vụ khi doanh nghiệp dịch vụ không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác.

- Được gia hạn hoặc ký kết hợp đồng lao động mới phù hợp với quy định pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

- Thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ về tiền dịch vụ theo quy định tại Điều 23 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thỏa thuận với doanh nghiệp dịch vụ về tiền ký quỹ hoặc giới thiệu bên bảo lãnh để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Thanh lý hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với doanh nghiệp dịch vụ trong thời hạn 180 ngày kể từ, ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

2. Trường hợp do doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đưa đi làm việc ở nước ngoài:

Điều 47 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định các quyền, nghĩa vụ như sau:

- Các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thỏa thuận bằng văn bản với doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài về thời hạn làm việc, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, làm thêm giờ, tiền lương, điều kiện làm việc, điều kiện sinh hoạt, chế độ khám bệnh, chữa bệnh và quyền lợi, chế độ khác khi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước tiếp nhận lao động.

- Ký kết, thanh lý hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

- Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài vi phạm thỏa thuận.

3. Trường hợp người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài

Điều 48 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định các quyền, nghĩa vụ như sau:

- Các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Ký kết, thanh lý hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài.

- Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài vi phạm hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài.

- Được doanh nghiệp tiếp nhận lại và bố trí việc làm phù hợp sau khi về nước.

4. Trường hợp do đơn vị sự nghiệp đưa đi làm việc ở nước ngoài

- Các quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 6 và khoản 5 Điều 46 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Ký kết hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với đơn vị sự nghiệp.

- Thỏa thuận với đơn vị sự nghiệp về biện pháp ký quỹ, bảo lãnh để bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

- Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp đơn vị sự nghiệp vi phạm hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

- Thanh lý hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài với đơn vị sự nghiệp trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động.

“Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 13/11/2020; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022”